

VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ DU NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ISLAM GIÁO TRONG CỘNG ĐỒNG CHĂM Ở NAM BỘ

Tóm tắt: Bài viết này được chia thành hai nội dung chính. Phần đầu sẽ tập trung tìm hiểu quá trình du nhập Islam giáo vào khu vực Nam Bộ. Qua các nguồn tài liệu lịch sử, có thể thấy rõ đặc điểm nổi bật của quá trình du nhập Islam giáo vào cộng đồng người Chăm tại đây liên quan đến các giao thương, chuyển dịch dân số với một số nước lân bang và khu vực như Campuchia, Malaysia, Indonesia... Các thông tin từ những nguồn sử liệu cũng cho biết, cộng đồng người Chăm Islam ở đây hình thành khá sớm và thuần nhất về loại hình tôn giáo. Phần thứ hai sẽ cho thấy một bức tranh khái quát về tiến trình phát triển và mật độ phân bố của người Chăm Islam tại khu vực này. Qua đó cũng cung cấp một bức tranh chung về hiện trạng tín đồ, chức sắc, thánh đường của Islam giáo ở từng thời kỳ khác nhau. Nếu nhìn một tiến trình phát triển từ sau thời điểm du nhập, cộng đồng này có khá nhiều biến động trước khi trở thành một tôn giáo ổn định như hiện nay.

Từ khóa: Islam giáo; Lịch sử du nhập; phát triển; người Chăm; Nam Bộ.

Mở đầu

Về mặt phân bố theo địa lý, người Chăm sống tập trung ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và An Giang. Ngoài ra, họ còn sống rải rác ở một số nơi khác, như: Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Nai, Long An, Bình Dương,... Tuy người Chăm thuộc cùng một tộc người, nhưng người ta thường dựa vào yếu tố tôn giáo mà chia họ thành ba nhóm chính. Nhóm Chăm Bàlamôn và Chăm Bani chủ yếu sống ở

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 13/9/2023; Ngày biên tập: 4/11/2023; Duyệt đăng: 15/11/2023

Ninh Thuận và Bình Thuận. Nhóm Chăm theo Islam giáo, ngoài một số làng cải đạo từ Bàni sang Islam giáo tại một số xã ở Ninh Thuận từ đầu thập niên 60 của thế kỷ XX, người Chăm Islam đã sớm xuất hiện ở An Giang, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh và rải rác ở một số tỉnh khác tại Nam Bộ. Trong bài viết này, chúng tôi khảo sát nhóm Chăm Islam ở khu vực Nam Bộ.

Về lịch sử nghiên cứu sự du nhập của Islam giáo vào cộng đồng Chăm đã được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm từ lâu. Các công trình đề cập đến nội dung này và có nhiều đóng góp về sử liệu Champa trước tiên phải kể đến công trình Royaume Champa (Vương quốc Chămpa) của G. Maspero. Theo thông tin liên quan đến Islam giáo trong nghiên cứu này, tác giả đã dẫn nguồn trong sử liệu thời Tống một câu kinh được phiên ra ký tự “Ollohu Akbar”. Ông cho rằng đó là câu kinh đọc hằng ngày của người Islam. Câu kinh này được tìm thấy trong đoạn văn: Cũng có nhiều trâu trên núi, nhưng người ta không giết thịt mà để tế thần, khi giết con trâu người ta đọc A- lo- ho ki- pas (Olloh là cách phát âm của người Chăm nói về Thượng đế Islam là Allah - NQĐ). Dựa vào đó người ta suy luận là Islam giáo đã xuất hiện từ thời nhà Tống tương đương thế kỷ XI [Dohamide, 1965: 53]. Hai tấm bia được một sĩ quan người Pháp phát hiện ở vùng Phan Rang và được Paul Ravaisse nghiên cứu công bố năm 1922 xác nhận niên đại ghi trên bia 1039, một bia khác trong khoảng từ 1025-1035. Thông tin trên tấm bia cho biết, vùng Phan Rang ngày nay đã có xuất hiện của Islam giáo. Từ kết quả này, tác giả cũng nhận định, khoảng thế kỷ XI, đã có một cộng đồng Islam giáo ở Champa. [Đổng Thành Danh, 2016: 82]. E. Aymonier trong nghiên cứu của mình năm 1890 (Légendes historiques des Chams. Excursions et Reconnaissances, XIV, pp 153) cũng đã ghi lại trong truyền thuyết về lịch sử Champa có một ông vua Pô Ovlod trị vì từ năm 1000 đến năm 1036 có đi hành hương ở Méc-ca trong 37 năm (Merque) sau đó trở về Champa [Dohamide, 1965: 54]. Tất nhiên, những thông tin về sự xuất hiện của Islam giáo trong cộng đồng Chăm từ thế kỷ XI chưa đủ bằng chứng thuyết phục đầy đủ về việc đã hình thành một cộng đồng Islam giáo ở người Chăm giai đoạn này.

Quan điểm được nhiều người đồng thuận hơn rằng: Islam sau thời kỳ xuất hiện thì chính thức truyền vào cộng đồng người Chăm vào khoảng cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII. Islam có ảnh hưởng đến cư dân Chăm ít nhất khoảng thế kỷ XV trở về sau. Như nhà nghiên cứu P. Mus cho rằng: “Islam giáo, có nguồn gốc Mã Lai, bắt đầu du nhập vào Champa (thế kỷ XV). Chính trong thời kỳ này, bên cạnh một cộng đồng vốn ảnh hưởng Hindu giáo, một cộng đồng Islam giáo cũng được hình thành ở Champa.” [Đổng Thành Danh, 2018: 36].

Việc đề cập tới cộng đồng người Chăm theo Islam ở Nam Bộ lại xuất hiện đầu tiên trong các khảo cứu của Hội Nghiên cứu Đông Dương ở các chuyên khảo địa phương như Châu Đốc [Hội Nghiên cứu Đông Dương, 1902]. Với các nhà nghiên cứu Việt Nam, người đầu tiên đề cập tới nghiên cứu về Islam trong cộng đồng Chăm có lẽ là giáo sư Kiều Thâm đã có bài nghiên cứu về chủ đề này rất sớm in trên một số nguyệt san tại Sài Gòn trước năm 1975. Tuy nhiên, các bài viết của ông hiện nay rất khó tìm thấy, chỉ được các nhà nghiên cứu sau này nhắc đến. Tiếp theo là nghiên cứu của hai anh em Dohamide và Dorohiem, vốn là người Chăm theo Islam giáo ở An Giang được đăng rải rác trên tạp chí Bách Khoa tại Sài Gòn năm 1965. Trước đó ông Dohamide đã có những khảo cứu về người Chăm in trên Bách Khoa từ năm 1962. Cuối cùng, công trình trực tiếp đề cập tới người Chăm theo Islam ở Nam Bộ là của Nguyễn Văn Luận với tựa đề: Người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam Phần Việt Nam. Tủ sách biên khảo Bộ Văn hóa giáo dục thanh niên xuất bản. Đây có thể nói là công trình khảo cứu chi tiết không chỉ trên phương diện lịch sử mà còn chứa nhiều thông tin dưới tiếp cận nhân học tôn giáo có giá trị tham khảo. [Nguyễn Văn Luận, 1974].

Trong bài viết này, chúng tôi chủ yếu dựa vào phương pháp Sử học để thực hiện. Ngoài ra, chúng tôi có sử dụng một số thông tin từ các cuộc khảo sát thực tế của đề tài cấp Nhà nước (2019 - 2022) về “*Cộng đồng Islam giáo ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng, xu hướng biến đổi và gợi ý chính sách*” do PGS.TS. Chu Văn Tuấn làm chủ nhiệm mà chúng tôi là thành viên. Khi khảo cứu lịch sử, chúng tôi cố gắng tiếp cận những tài liệu theo tiến trình thời gian của các nghiên cứu cũng

như các luận điểm nghiên cứu đã công bố. Ngoài ra, có tham chiếu so sánh với một số nghiên cứu về lịch sử du nhập Islam giáo vào Việt Nam gần đây để có được cái nhìn tổng quát. Bởi vậy, sẽ thấy một vài tên tuổi trong giới nghiên cứu về lịch sử Chăm nói riêng và tôn giáo của người Chăm nói chung không được nhắc đến hoặc trích dẫn trong phần viết, bởi khi tham chiếu các nguồn tài liệu, đôi khi họ sử dụng cùng một thông tin mà không truy xuất nguồn gốc. Trong quá trình sưu tầm và nghiên cứu các tài liệu để viết về chủ đề này mới thấy: Có khá nhiều thông tin mà một số bài nghiên cứu đề cập từ năm 2000 trở lại đây đã được đưa ra trong các bài nghiên cứu trước 1975. Trong phần viết, chúng tôi ưu tiên cho việc trích dẫn các luận điểm từ những phát biểu của lớp tài liệu này.

1. Lịch sử du nhập của Islam giáo ở Nam Bộ

Việc du nhập của Islam giáo vào khu vực Nam Bộ, nhất là ở khu vực Tây Nam Bộ không diễn ra phổ biến theo cách Islam giáo du nhập vào một cộng đồng người Chăm tại chỗ đã ổn định mà nó gắn liền với cuộc di cư của người Chăm và người Mã Lai từ nơi khác đến vùng đất này trong lịch sử.

Vào năm 1471, sau khi chinh phục Champa, vua Lê Thánh Tông chia khu vực của người Chăm ở thành những phần nhỏ do các phiên vương cai quản nhưng vẫn phải thuần phục Đại Việt. Từ những sự kiện này đã khiến một bộ phận người Chăm ở miền Trung Việt Nam di cư sang Campuchia, Thái Lan, Malaysia, đảo Hải Nam... Khi những người Chăm sang vùng đất này, nhất là Campuchia, họ đã có những tiếp xúc với những người Malayu đã theo Islam giáo lại có nhiều nét tương đồng về ngôn ngữ và nhân chủng với họ. Mặt khác, việc rời bỏ quê hương đã làm cho truyền thống tôn giáo, tín ngưỡng của họ nhạt dần [Phú Văn Hãn, 2004: 41]. Có thể những điều này đã dẫn đến việc những người Chăm di cư sang Campuchia và Malaysia, Indonesia đều cải đạo sang Islam giáo. Tôn giáo của người Chăm di cư này theo các nghiên cứu về niềm tin và thực hành đều thừa nhận đó là “Islam chính thống” dòng Sunni theo phái Safi'i, tuân thủ nghiêm ngặt các nghi thức Islam giáo, không giống như những người Islam giáo của Champa trước đây, là những người Chăm Bàni, Islam giáo

của họ đã được ghép các yếu tố tín ngưỡng Hindu cổ đại vào [Agnès De Féo, 2009: 1]. Cộng đồng Chăm Bani tồn tại phát triển cho đến ngày nay tập trung chủ yếu ở Ninh Thuận và một bộ phận nhỏ ở Bình Thuận. Bởi vậy, hiện nay vẫn còn quan điểm gọi chung nhóm người Chăm theo Islam giáo và người Chăm theo Bani là “Hồi giáo” [Trần Phương Anh, Hoàng Văn Chung, 2023: 29].

Thời Gia Long và Minh Mạng, vua Chân Lạp là Nặc Chân đã xin quy thuộc nhà Nguyễn (năm 1807), muốn nhờ nhà Nguyễn bảo hộ để chống lại sự xâm lược của quân Xiêm. Khi đó, các tướng nhà Nguyễn đóng quân ở đây như Nguyễn Văn Thụy, Ngô Bá Nhơn đã tuyển những người Chăm vào lính và khai hoang ở thành Trấn Tây. Từ năm 1836 đến năm 1841, Đại Nam lập ra Trấn Tây từ phần đất bảo hộ Chân Lạp. Khi dừng việc bảo hộ, quân đội triều Nguyễn bỏ Trấn Tây rút về, nhiều người Chăm đã theo về định cư cùng gia đình ở tả ngạn sông Tiền và cù lao Katambong (thuộc An Giang).

Từ những dữ liệu lịch sử trên cho thấy sự di cư của người Chăm Islam vào Nam Bộ trước tiên là vùng An Giang, Châu Đốc, Tây Ninh - nơi biên giới giáp với Campuchia ở vùng Tây Nam Bộ. Sau khi chinh phục hoàn toàn Champa, vương quốc cuối cùng là Panduranga thất thủ vào năm 1832, Đại Nam tiếp tục chinh phục vùng đồng bằng sông Cửu Long. Với khả năng chính trị nhất định, người Việt thu hút người Chăm và những người Mã Lai thiểu số lúc đó được định danh chung là người Chvea (Chà-và, Java, có thể là nguồn gốc Java của họ) ở Campuchia vào quân dịch. Sự tham gia của người Chăm và người Chvea ở Campuchia vào quá trình ổn định tình hình biên giới phía Tây Nam không chỉ giới hạn trong phạm vi quân sự. Từ năm 1818 họ cũng được vào khu vực An Giang để phát triển kinh tế và bảo vệ biên giới chống lại các cuộc nổi dậy của người Khmer hoặc sự xâm chiếm của người Xiêm. Từ đó, một số cộng đồng Chăm và Chvea định cư ở các khu vực An Giang. Trong thời điểm này cũng có khoảng hai nghìn người Chăm từ Phnom Penh đến Châu Đốc vào năm 1841 [Agnès De Féo, 2009: 3]. Nguyễn Văn Luận ghi về sự kiện này dựa trên những tư liệu nghiên cứu của người Pháp như sau: “Trong kế hoạch tận dân vì binh triều đình Huế cũng thu dụng những người Chăm và Mã Lai để

lập đồn điền và phòng ngự miền biên giới. Họ được tập trung bên rạch Bình Giã, sau đó phân phối vào 7 làng Châu Giang, Katambong, Phum Soài, La Ma, Ka Côi, Cô Ki và Sa Bâu tổng số chừng 5.000 người. Dấu hiệu đặc biệt của đoàn dân binh Hồi giáo này là có đội khôn đỏ... Tình trạng của những người Chăm và người Mã Lai tồn tại như vậy cho đến khi người Pháp chiếm Châu Đốc vào khoảng tháng 6/1867” [Nguyễn Văn Luận, 1974: 35-36].

Năm 1858, một nhóm người Chăm và người Mã Lai nổi dậy chống quốc vương Chân Lạp là Ang Duong. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, nhiều người Chăm chạy về Châu Đốc.

Riêng đối với người Chăm ở Tây Ninh, họ có nguồn gốc miền Trung Việt Nam nhưng đã rời bỏ quê hương sang Campuchia từ thế kỷ XVIII. Sau đó, họ theo ông hoàng Po Checoc đến đây vì ông này bất hòa với người anh là vua Rattala [Nguyễn Văn Luận, 1974: 36].

Sau khi quân Pháp chiếm đóng Châu Đốc, với thực lực quân sự vốn có, người Pháp không cần thu nạp lực lượng quân đội từ người bản xứ để trợ lực cho cuộc viễn chinh của họ, nên chỉ coi người Mã Lai và người Chăm như những người An Nam khác. Thực dân pháp bắt họ phải đóng thuế thân, không có quyền sở hữu đất đai và có thể di cư khỏi nơi ở bất cứ lúc nào [Hội Nghiên cứu Đông Dương, 1902: 77].

Có thể nói, cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở khu vực An Giang, Châu Đốc, Tây Ninh đã hình thành những cộng đồng người Chăm Islam. Họ sống hòa hợp với những người Mã Lai cùng tôn giáo với mình. Những ghi chép và sử liệu cho biết: các cuộc hôn nhân lấy tôn giáo (Islam) làm tiêu chí đã gắn kết giữa hai nhóm người Chăm và Mã Lai với nhau, đồng thời, đây cũng là cách bảo lưu tôn giáo của chính họ. Sử liệu ghi: “Họ kết hôn với nhau; tuy nhiên đôi khi một người Mã Lai hay một người Chăm cưới một cô gái người Khor-me; trong trường hợp này cô dâu phải theo đạo của chồng. Không bao giờ một phụ nữ Mã Lai hay Chăm lấy một người đàn ông không cùng chủng tộc” [Hội Nghiên cứu Đông Dương, 1902: 78]. Bởi vậy có thể thấy, người Mã Lai thực sự có một vai trò quan trọng trong việc định hướng các niềm tin và thực hành tôn giáo của người Chăm Islam. Bởi lẽ, trước khi du nhập vào vùng Tây Nam Bộ, hầu hết những người Chăm,

còn rất ít những ký ức về tổ tiên xa xưa của mình ở Trung Bộ. Họ đã có một quá trình dài định cư ở Campuchia. Khi tổ tiên của những người Chăm này rời bỏ miền Trung định cư ở khu vực Tây Nam Bộ, họ còn theo Bàlamôn hoặc còn hiểu rất ít về Bàni. Nhưng đây là vùng đất ảnh hưởng sâu đậm của Phật giáo Nam Tông. Vậy cơ duyên nào dẫn họ tới Islam? Nghiên cứu của M. Ner năm 1941 (*Les Musulmans de Indochine Française*, BEFEO, T. XLI) đưa ra nhận định: “Chính thương nhân Mã Lai từ đảo Bornéo ghé bến Kampot rồi lập gia đình, cư ngụ tại xứ này; sau đó theo dòng Cửu Long lên Biển Hồ gặp người Chăm và giúp những người này theo Hồi giáo chính thống hơn” và Maspéro cũng đưa ra giả thuyết rằng những người Chăm di cư đó mới theo Islam sau khi rời bỏ quê hương [Nguyễn Văn Luận, 1974: 56].

Cộng đồng người Chăm Islam ở khu vực Tây Nam Bộ cho đến cuối thế kỷ XIX đã khá ổn định và tuân thủ các nghi thức tôn giáo. Sở dĩ nói điều này bởi lẽ: Cuối thế kỷ XIX, kinh tế của người Chăm Islam tại đây đã dần ổn định và phát triển so với buổi đầu sang lánh nạn. Cũng từ đây đã xuất hiện những thánh đường Islam giáo trong những làng người Chăm và có những cuộc hành hương đến thánh địa. Khảo sát của Hội Nghiên cứu Đông Dương thời kỳ này còn ghi chép lại chi tiết: “Tất cả mọi người Chăm và Mã Lai đều theo đạo Hồi. Trong mỗi ấp, đều cất một hay nhiều đền thờ, lợp bằng ngói hay bằng rơm. Các đền thờ này giống như những nhà kho hơn là một cơ sở thờ tự; được che tứ phía, nhưng nước mưa không ngừng chảy vào; bên trong thì trống trơn và không có một trang hoàng nào để thu hút sự chú ý. Gần đây ở Châu Giang người ta xây lên một đền thờ bằng gạch và vài căn nhà đặc biệt với một sự hào nhoáng nào đó cho thấy có sự sung túc nơi dân cư. Việc họ cư ngụ, trước đây đã lâu, giữa những người theo đạo Phật không làm phai nhạt niềm tin tôn giáo và lòng sùng đạo của họ. Thỉnh thoảng họ đóng góp để gửi một người trong đó đi hành hương đến La Merqua. Ở Châu Đốc có nhiều người đã được đi cuộc hành hương đạo đức này. Người ta nhận ra họ qua y phục đặc biệt của họ, giống như y phục của người A Rập, và qua tấm khăn lớn họ đội trên đầu giống như khăn trùm đầu. Những người đã đi hành hương này xem ra có ảnh hưởng lớn với những người đồng đạo với họ” [Hội Nghiên cứu Đông Dương, 1902: 78].

Cũng từ cái nôi ban đầu nơi tập trung đông người Chăm theo Islam giáo tại An Giang, Châu Đốc và Tây Ninh, dần dần họ theo các cuộc di cư, làm ăn để hình thành những cộng đồng người Chăm theo Islam giáo ở khu vực khác của Nam Bộ, như: Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Trà Vinh... Nhìn lại lịch sử việc du nhập Islam vào khu vực Nam Bộ, chúng tôi có mấy nhận xét sau:

Một là, xét về nguồn gốc, việc người Chăm tiếp xúc và du nhập Islam giáo vào Nam Bộ diễn ra muộn hơn ở Trung Bộ, chủ yếu diễn ra vào nửa đầu thế kỷ XIX, khi mà Islam giáo đã hình thành, phát triển trong khu vực Đông Nam Á như ở Malaysia và Indonesia. Sự du nhập này gắn với quá trình di cư của những người Chăm có nguồn gốc Trung Bộ nhưng đã sang Capuchia từ trước đó và họ đã theo Islam giáo tại đó.

Hai là, việc du nhập Islam giáo vào khu vực Nam Bộ chủ yếu ở địa bàn biên giới giáp Campuchia, nơi diễn ra những xung đột, chiến tranh giữa các nước. Khi đó một bộ phận người Chăm và người Mã Lai đã đến khu vực Châu Đốc, An Giang, Tây Ninh để lánh nạn hoặc được triều đình chiêu mộ cho việc đi lính, khẩn hoang và tăng cường sức mạnh cho việc trấn ải vùng biên giới Tây Nam của nhà Nguyễn.

Ba là, quá trình lánh nạn và di dân dần dần đã hình thành những cộng đồng Chăm ở khu vực này gắn với sự ổn định và quy chuẩn thực hành theo giáo lý, giáo luật của Islam giáo. Sở dĩ có việc này vì quá trình cộng cư, tiếp xúc lâu dài với người Mã Lai theo Islam giáo, người Chăm đã có quan hệ cả về hôn nhân, kinh tế, chính trị, xã hội, v.v.. với người Mã Lai. Chính vì vậy, có thể nói người Chăm Islam ở Tây Nam Bộ chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ của Islam giáo từ người Mã Lai.

2. Quá trình phát triển Islam giáo ở Nam Bộ

An Giang, Kiên Giang

Đối với cộng đồng người Chăm Islam ở Nam Bộ, sau khi người Pháp chiếm cứ địa bàn mà họ cư trú, họ bị đóng các loại thuế như người An Nam, chẳng hạn thuế thân. Đặc biệt, họ không được quyền sở hữu đất đai. Có thể đây là nguyên nhân quan trọng làm số lượng người Chăm và Mã Lai theo Islam giáo biến động, bởi vì họ không có

điền sản. Theo kết quả nghiên cứu của Hội Nghiên cứu Đông Dương khảo sát cuối thế kỷ XIX ở Châu Đốc, không tìm thấy bất cứ người Chăm nào làm nông nghiệp. Nghề của họ là buôn bán và chế tác kim hoàn theo các mẫu của người Khmer. Có lẽ đây là những lý do về việc đã từng có rất nhiều người Islam ở khu vực này nhưng cuối cùng nhiều người cũng di cư về với quê hương của họ là Campuchia, hoặc Malaysia, Indonesia... nơi còn nhiều người thân và đồng hương của họ sinh sống ở đó. Hơn nữa họ di cư còn vì buôn bán theo mùa vụ và di chuyển theo các lợi nhuận kinh doanh mang lại. Các dữ liệu của người Pháp cho biết, vùng Châu Đốc đã từng có đông đảo người Chăm Islam qua lại giao thương. Nhưng, theo thời gian kể từ thời điểm 1869, số người Islam giáo (gồm cả người Chăm và người Mã Lai) di cư khỏi đây luôn cao hơn nhập cư vào vùng Châu Đốc: “Số người Mã Lai và người Chăm liên tục giảm sút, từ 13.200 vào năm 1880, ngày nay chỉ còn 4459 (1901). Số lớn đã di cư qua Cam-bốt trong những năm gần đây. Nhiều người di cư đến đó vì bị thu hút bởi việc buôn bán gỗ và gia súc là những việc mà người Mã Lai thường làm” [Hội Nghiên cứu Đông Dương, 1902: 81-82]. Các thông tin nghiên cứu của Hội Nghiên cứu Đông Dương cũng khẳng định tất cả người Mã Lai và người Chăm ở thời điểm họ nghiên cứu đều theo Islam giáo. Năm 1902 dân số Islam giáo ở Châu Đốc khoảng 5.000 người với chín đền thờ.

Riêng nghiên cứu của M. Ner vào năm 1941, lấy số liệu thống kê 1936 cho biết: khi đó người Chăm Islam ở Châu Đốc khoảng 6.000 người. Lý giải của ông về sự gia tăng chậm chạp của người Chăm Islam cũng giống trước đó, vì họ đã trở lại Campuchia. Nơi không chỉ có người thân tộc cùng tôn giáo mà vì họ còn có đất đai để sinh sống. Ngoài địa chỉ Campuchia, ông cũng nhận thấy đã có những người Chăm Islam rời bỏ khu vực Châu Đốc nhưng không về Campuchia mà đến những khu vực lân cận buôn bán. Khi đó đã có những người Chăm ở Cần Thơ, Mỹ Tho và Chợ Lớn. Riêng người Chăm Islam ở Tây Ninh, để phù hợp với địa cảnh, họ làm nghề đốn gỗ và săn bắn. Ngoài nguồn gốc Campuchia sang, người Chăm Islam ở Tây Ninh cũng đông thêm do một số di cư ở Châu Đốc lên. [M. Ner, 1941: 151-202].

Tính đến năm 2020, số người Chăm Islam ở An Giang có 3.273 hộ (với 15.197 người), đứng thứ hai so với ba dân tộc thiểu số trên địa bàn (nhiều hơn dân tộc Hoa, ít hơn dân tộc Khmer); người Chăm Islam sinh sống ở 5/11 huyện, thị, thành phố là thành phố Long Xuyên, thị xã Tân Châu và các huyện An Phú, Châu Phú, Châu Thành. Đồng bào Chăm Islam tại An Giang tập trung nhiều nhất là huyện An Phú và Tân Châu; trên địa bàn tỉnh có chín xóm Chăm thuộc tám xã. Mỗi xóm Chăm, làng Chăm đều có tiểu thánh đường và thánh đường; hiện toàn tỉnh có 12 thánh đường, 16 tiểu thánh đường; có 12 Giáo cả (Hakim), 25 Phó giáo cả (Naib), 17 vị đại diện tiểu thánh đường (Ah'Ly) và 116 thành viên Ban quản trị các thánh đường, tiểu thánh đường [Báo cáo tình hình Islam giáo của Ban Dân vận Tỉnh ủy An Giang, 2020: 1].

Ở Kiên Giang, theo số liệu của Ban Tôn giáo tỉnh lấy từ Cục Thống kê, đến năm 2015, có 419 người Chăm sống ở 13 huyện, thành phố. Các nhà nghiên cứu cho rằng, số người Chăm này theo Islam giáo, còn theo ý kiến của một số chuyên viên của Ban Tôn giáo tỉnh thì số người này có cả nguồn gốc từ người Chăm Bàni ở Ninh Thuận, chứ không chỉ có Islam thuần túy. Theo thông tin từ cuộc Tọa đàm của Viện Nghiên cứu Tôn giáo tại Ban Tôn giáo tỉnh Kiên Giang ngày 9/7/2020 cho biết: Phần lớn tín đồ tại đây thực hành và hiểu biết giáo lý khá tốt, tuân thủ chính sách của Nhà nước. Họ tập trung sinh hoạt thành một điểm nhóm đã được đăng ký tại tỉnh. Điểm nhóm sinh hoạt này đã hình thành từ những năm 80 của thế kỷ XX. Nơi sinh hoạt có cấu trúc như một tiểu thánh đường với nghĩa địa, phòng học tiếng Chăm bên cạnh. Nguồn gốc cộng đồng Islam giáo tại Kiên Giang đã hình thành từ trước đó vào những năm 1977 - 1978 từ những cuộc di dân từ nơi khác đến [Khảo sát của tác giả và đoàn công tác, 2020].

Thành phố Hồ Chí Minh

Từ đầu thế kỷ XX đến trước khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933), đã hình thành nhiều lái buôn người Chăm Islam từ An Giang, Châu Đốc lên Sài Gòn buôn bán. Tuy nhiên, thời kỳ này những người Chăm chưa có nhà cửa, họ thường ở trong kho hàng của chủ buôn và giữ mối liên lạc thường xuyên với gia đình ở dưới quê. Khi khủng hoảng kinh tế nổ ra, nhiều người Chăm mất việc đã rời bỏ khu vực

sinh sống lên Sài Gòn kiếm việc. Một số đã trụ lại tại đây. Nhờ cần cù chịu khó, một số đã tích lũy được của cải. Khi đó ở Sài Gòn còn có người Ả Rập và người Ấn Độ theo Islam. Có lẽ làn sóng di cư mạnh hơn cả là sự kiện thực dân Pháp tái chiếm Nam Kỳ cuối năm 1945, gây những xáo trộn về tâm lý và sự bất ổn với cộng đồng người Chăm. Đến 1946 đã có nhiều người Chăm Islam ở khu vực Châu Đốc chạy lên Sài Gòn lánh nạn và họ sống rải rác như khu Nancy ở đại lộ Trần Hưng Đạo. Từ những đợt di cư này, nhiều người Chăm Islam đã có nhà cửa ổn định tại Sài Gòn. Đầu thập niên 1960, số người Chăm Islam ở đây khoảng 1.000 người, với thành phần không thuần nhất về nghề nghiệp gồm cả sinh viên, lao động thủ công, người buôn bán, lao động tự do. Những người di cư đến Sài Gòn, họ tập trung thành những xóm nhỏ vài chục người. Đông nhất là khu Nancy trước đây thuộc quận 2 (nay thuộc quận 1) và quanh khu vực nghĩa trang Islam ở Hòa Hưng quận 3 [Nguyễn Bình, 2012: 160]. Sau khi Hiệp hội Chăm Hồi giáo Việt Nam thành lập thì người Chăm Islam nhận được sự quan tâm hỗ trợ hơn.

Dân số người Chăm Islam ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 1997: 4.874 người; 1998: 5.100 người; 2002: 5.288 người. Hiện nay, dân số người Chăm Islam ở Thành phố Hồ Chí Minh ước tính hơn 7.000 người, và nếu tính cả số người Chăm Ninh Thuận - Bình Thuận và Chăm Hroi đang lưu trú thì dân số người Chăm ở Thành phố Hồ Chí Minh lên đến hơn 10.000 người, là cộng đồng dân tộc đứng thứ ba về dân số ở Thành phố Hồ Chí Minh sau người Việt và người Hoa [Phú Văn Hãn, 2023]. Theo thống kê do Ban Quản trị đại diện các khu vực lập vào năm 2016, tổng số tín đồ Islam Thành phố Hồ Chí Minh là 1.547 hộ với 7.541 nhân khẩu. Trong đó, dân tộc Hoa khoảng 40 nhân khẩu, dân tộc Kinh khoảng 200 nhân khẩu, gốc dân tộc Malaysia, Indonesia, Ấn Độ khoảng 400 nhân khẩu, số còn lại là dân tộc Chăm khoảng 6.900 người chiếm 91,5%. Các khu vực hiện có cộng đồng Islam sinh sống tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm 21 khu vực (quận 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, Phú Nhuận, Bình Thạnh, Gò Vấp, Bình Chánh, Củ Chi). Tổng số cơ sở thờ tự gồm: bốn Surao (Tiểu Thánh đường), mười Masjid (Thánh đường) [Lý Du Sô, 2017].

Nhìn chung, sự phát triển của cộng đồng Islam tại Thành phố Hồ Chí Minh có mấy đặc điểm sau: Trước hết, hầu như những người Islam tại đây là người Chăm di cư từ An Giang lên lập nghiệp và sinh sống. Do đó, sự gia tăng của số lượng tín đồ khu vực này thời kỳ đầu là chủ yếu từ việc di dân. Sau khi ổn định thì mới có sự gia tăng tín đồ tự nhiên. Ban đầu, lý do của việc quy tụ những người Islam giáo là vì sinh kế. Sau khi ổn định, sự gắn kết chặt hơn nhờ vào yếu tố tôn giáo, nhất là khi các thánh đường được xây dựng và những thế hệ di cư ban đầu đã thiết lập được các nền tảng vật chất như cửa hàng, nhà ở. Tiếp đó, chúng ta có thể thấy sự đan xen hòa trộn giữa các nhóm cư dân Islam tại đây, bên cạnh người Chăm chiếm đa số vẫn tồn tại những nhóm người nước ngoài theo Islam như người Ấn Độ, Malaysia, người Hoa. Bởi vậy, đây là nơi có cộng đồng Islam giáo đa dạng thành phần cư dân nhất.

Tây Ninh, Bình Phước

Cộng đồng Islam giáo ở Tây Ninh đã hình thành từ khá lâu, chủ yếu là người Chăm theo Islam giáo từ Campuchia và Châu Đốc lên. Trước 1975 có khoảng 2.000 tín đồ. Những năm 1978-1979, có một số người Chăm Islam từ Campuchia di cư sang vì lý do chiến tranh biên giới phía Tây Nam. Nhìn chung, tín đồ khá ổn định, tăng trưởng tự nhiên, chủ yếu làm nông nghiệp.

Theo số liệu của Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh Tây Ninh cung cấp năm 2019, người Chăm trên địa bàn tỉnh có 1.233 hộ với 4.219 nhân khẩu. Tỉnh Tây Ninh có sáu thánh đường (Masjid) và một tiểu thánh đường (Surao): Thánh đường phường 1, Thánh đường Tân Trung A, Thánh đường Tân Trung B, Thánh đường Suối Dây, Thánh đường Tân Phú, Thánh đường Thạnh Bình và Tiểu thánh đường Hội Thanh. Các thánh đường này tập trung tại thành phố Tây Ninh và hai huyện là Tân Châu, Tân Biên, nhưng tập trung chủ yếu ở huyện Tân Châu. Thánh đường phường 1 (Mosquee Musulmane): số 51, đường Nguyễn Văn Tốt, khu phố 2, phường 1, thành phố Tây Ninh. Đây là thánh đường lâu đời nhất được xây dựng năm 1957. Ban Quản trị thánh đường gồm: Giáo cả Chàm Sá (76 tuổi), Phó giáo cả Chàm Ri. Số lượng tín đồ khoảng hơn 400 người. Đây cũng là nơi đặt

trụ sở của Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh Tây Ninh. Thánh đường Tân Trung A (Nourul Islam): ấp Tân Trung A, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu. Ban Quản trị thánh đường có Giáo cả Chàm Du Số. Thánh đường Tân Trung B (Nurul Iman): được xây dựng năm 1976, ấp Tân Trung B, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, Giáo cả là Chàm Sèn. Thánh đường Tân Phú (Nourul Ehsan): được xây dựng năm 1979, ấp Tân Châu, xã Tân Phú, huyện Tân Châu, Tây Ninh. Giáo cả là Ta Lê Cô Tiệp (sinh năm 1987) trẻ nhất trong số các giáo cả của tỉnh Tây Ninh. Thánh đường Suối Dây (Jamiul Nia' Mah): được xây dựng năm 1986, địa chỉ tại ấp Chằm, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, Tây Ninh. Giáo cả hiện nay là Chàm Sọt. Đây là thánh đường có số lượng tín đồ đông nhất của tỉnh Tây Ninh với 415 hộ Chằm và 1.714 khẩu. Thánh đường Thạnh Bình (Masjid Al Mubarak): được xây dựng năm 1988 tại ấp Thạnh Thọ, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, Tây Ninh. Giáo cả hiện nay là Chàm Vi Mor. Tiểu thánh đường Hội Thanh (Nek Mah): được xây dựng năm 1986, tại ấp Hội Thanh, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, Tây Ninh. Giáo cả hiện nay là Musa [Chu Văn Tuấn, 2020].

So với Tây Ninh, cộng đồng Chăm Islam tỉnh Bình Phước hình thành muộn hơn nhiều. Việc hình thành cộng đồng này có liên quan nhiều đến việc di dân của người Chăm đến các nông trường trồng cao su tại đây. Đồng bào Chăm là một cộng đồng nhỏ tại Bình Phước với 181 hộ, 665 khẩu, sống tập trung chủ yếu ở thôn Phú Vinh, xã Phú Riêng, huyện Phú Riêng (khoảng 70 hộ, 278 khẩu) và ấp Tân Phú, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú (khoảng 53 hộ, 174 khẩu). Cộng đồng Chăm tại Bình Phước có nguồn gốc từ các tỉnh miền Tây Nam Bộ, Tây Ninh, Tp. Hồ Chí Minh di dân đến. Ngoài ra, ở Bình Phước cũng có một số rất ít người Chăm Bani (khoảng gần chục người).

Ở Bình Phước có hai thánh đường Islam giáo tại huyện Phú Riêng và huyện Đồng Phú. Thánh đường huyện Phú Riêng được xây dựng từ năm 1991, đến năm 2011 được xây dựng lại dưới sự tài trợ của một người Singapore. Hiện nay, Ban Quản trị thánh đường gồm: Một giáo cả, bốn chức việc, tín đồ gần 300 người. Tín đồ của thánh đường sinh sống tập trung quanh thánh đường. Nghề nghiệp của họ chủ yếu là làm

thuê, làm mướn, trình độ dân trí không cao, tỷ lệ người học lên cấp ba, cao đẳng, đại học... rất ít. Do đó, số người tham gia vào các cơ quan, đoàn thể các cấp hầu như rất ít. Thánh đường huyện Đồng Phú được thành lập năm 2004 sau khi được UBND huyện Đồng Phú chấp thuận. Ban Quản trị thánh đường gồm một giáo cả và năm chức việc, tín đồ gần 200 người. Về tổng số tín đồ Chăm Islam ở Bình Phước hiện nay cũng chưa có sự thống nhất, theo báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước, số lượng là 665 người, trong khi đó số liệu của Công an tỉnh Bình Phước là 669 người, còn số liệu của Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước là 478 người [Chu Văn Tuấn, 2020: 43].

Bình Dương, Đồng Nai

Cộng đồng Islam giáo tại Bình Dương hình thành muộn, chủ yếu từ sau năm 1975. Nguồn gốc của cộng đồng Chăm Islam tại Bình Dương chủ yếu là người Chăm theo Islam giáo từ nhiều địa phương khác nhau tới đây tập trung sinh sống, như: từ An Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Phước. Nhóm này sống tập trung thành một cộng đồng tại xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng. Họ đến đây vào năm 1984 và bắt đầu đông lên từ sau năm 1990 [Báo cáo của Sở văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Dương, 2020].

Cộng đồng Islam giáo Bình Dương có một Ban quản trị Thánh đường Islam giáo Minh Hòa tại ấp Hòa Lộc, xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng. Cộng đồng người Chăm theo Islam giáo ở đây đã tiến hành bảy lần bầu Ban Quản trị vào các năm 1997, 1999, 2004, 2009, 2013, 2016, 2018. Cơ cấu tổ chức hiện nay của Ban Quản trị Thánh đường Minh Hòa gồm một giáo cả, hai phó giáo cả, một thư ký, một thủ quỹ, hai thành viên ban quản trị. Ngoài ra, có trường dạy giáo lý tại địa bàn được xây dựng từ 2007. Nguồn tiền xây dựng do xin được tài trợ. Tại đây cũng thường xuyên có những tín đồ Islam giáo quốc tế qua lại thăm viếng và cầu nguyện trong những dịp lễ quan trọng hằng năm [Báo cáo của Công an tỉnh Bình Dương, 2020].

Cộng đồng Islam giáo ở Đồng Nai có nguồn gốc sớm hơn Bình Dương và Bình Phước. Ngay từ những năm 30 của thế kỷ XX, một số người Chăm Islam từ vùng An Giang đã di cư lên đây làm công nhân trong các đồn điền của người Pháp. Thời kỳ 1954-1975, vào khoảng

những năm 1972, 1973 một số người Chăm Islam ở Châu Đốc và Sài Gòn tiếp tục di cư lên Đồng Nai. Họ tập trung ở ấp 4, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc. Cùng thời điểm này, Hiệp hội Chăm Hồi giáo Việt Nam được chính quyền Sài Gòn cho phép đưa một số người Chăm từ Sài Gòn về Long Khánh (nay là huyện Xuân Lộc). Sau năm 1975, có thêm một số người Chăm ở tỉnh Tây Ninh cũng đến sinh sống lập nghiệp tại xã Xuân Hưng. Từ đó đến nay, họ sống tập trung trong một ấp theo mô hình làng Chăm tại ấp 4, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc. Những năm đầu sau ngày thống nhất đất nước (30/4/1975), thực hiện chủ trương giãn dân của chính quyền cách mạng lúc bấy giờ, do có mối quan hệ thân tộc từ trước, cho nên có thêm một số gia đình Chăm Islam ở Thành phố Hồ Chí Minh và các nơi khác đến sống tập trung tại ấp 6, xã Bình Sơn khai hoang, làm rẫy, chăn nuôi và làm công nhân Nông trường cao su Bình Sơn. Phần lớn những người Chăm di cư đến Đồng Nai làm ăn sinh sống đều là tín đồ Islam giáo từ trước đó. Tính đến năm 2020 tỉnh Đồng Nai có 660 hộ, 3.103 khẩu người Chăm, trong đó có 531 hộ, 2.695 khẩu theo Islam giáo, tập trung chủ yếu tại xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc và xã Bình Sơn, huyện Long Thành. Có hai thánh đường Islam giáo trên địa bàn tỉnh [Báo cáo của Sở văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Dương, 2020: 1-2]. Riêng cộng đồng Islam giáo tại ấp 4, xã Xuân Hưng tính đến đầu năm 2020 là 489 hộ 2.285 nhân khẩu [Thánh đường Hồi giáo Nurul Ehsaan, 2020].

Long An, Tiền Giang, Trà Vinh

Năm 1957, ông Nguyễn Minh Chí quê tại Tân Bửu, Long An thành lập nhóm người Kinh theo Islam giáo ở làng Tân Bửu, Long An. Nhóm này chủ yếu là những người họ hàng trong gia đình ông Chí. Lý do cải đạo là do ông Nguyễn Minh Chí mang ơn người Chăm Islam ở An Giang đã từng chữa cho ông khỏi bệnh [Khảo sát của tác giả và đoàn công tác, 2020]. Năm 1972, ông Nguyễn Minh Chí cùng ông Nguyễn Văn Từ đã lập một nhóm Islam giáo tại Sài Gòn với ý định phát triển tổ chức rộng hơn, cơ sở ở số 101/1 bến Chương Dương. Sau năm 1975, ông Nguyễn Minh Chí qua đời, còn ông Nguyễn Văn Từ di cư lên vùng kinh tế mới ở Sông Bé, từ đó nhóm người Kinh theo Islam giáo ở Sài Gòn không còn ở lại và đã trở về làng Tân Bửu Long An [Trần Tư, 1980]. Hiện nay, số lượng tín đồ Islam giáo ở Tân Bửu

có 76 người, sinh hoạt tại một thánh đường. Nhóm Islam này là người Kinh có quan hệ với An Giang và Thành phố Hồ Chí Minh [Khảo sát của tác giả và đoàn công tác, 2020]. Nhìn chung, khả năng phát triển tín đồ Islam trong cộng đồng người Kinh tại đây nhỏ bé và trong phạm vi gia đình, dòng họ.

Tiền Giang có một thánh đường Islam giáo tại thành phố Mỹ Tho, được xây dựng từ năm 1943. Thánh đường này đã qua bốn lần sửa chữa, tới nay khá khang trang, ở tại số 49 Trịnh Hoài Đức, phường 2 thành phố Mỹ Tho. Trước đây, thánh đường chủ yếu là nơi sinh hoạt cho các tín đồ Islam giáo người Ấn Độ và có khoảng 34 tín đồ thường xuyên sinh hoạt, nhưng dần dần một số chuyển sinh hoạt, một số đã qua đời. Tính đến năm 2019, chỉ còn tám tín đồ Islam giáo sinh hoạt. Họ là thành viên trong một gia đình. Hoạt động của Islam giáo tại đây ngoài việc cầu nguyện, sinh hoạt theo truyền thống thì chủ yếu là cung cấp các dịch vụ cho khách du lịch người Islam giáo nước ngoài đến đây. Nhóm Islam giáo tại đây sinh hoạt khép kín, ít giao lưu với những cộng đồng khác, không có hoạt động đào tạo và hoạt động Islam giáo quốc tế [Sở Nội vụ tỉnh Tiền Giang, 2013].

Nhận xét

Quá trình du nhập Islam giáo vào Việt Nam gắn với người Chăm, một dân tộc có lịch sử đặc thù và có mối giao thương sớm với những thương nhân nước ngoài theo Islam giáo. Quá trình này gắn với những biến động dân cư tại các khu vực biên giới phía Tây Nam Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Khi đó, có một lượng người Chăm đã ly hương từ miền Trung khá lâu định cư ở các khu vực Campuchia, An Giang, Tây Ninh theo Islam giáo. Các cộng đồng Islam đầu tiên được hình thành ở khu vực này, sau đó vì chiến tranh, phát triển kinh tế đã dẫn đến việc di dân từ những cộng đồng ban đầu này ra những tỉnh thành khác ở Nam Bộ.

Việc phát triển của cộng đồng Chăm Islam biến động theo từng thời kỳ và khu vực. Điều này, liên quan chặt chẽ đến các hoạt động giao thương và sự hình thành các cơ sở tôn giáo. Mức độ phân bố cũng không đồng đều giữa các khu vực trong vùng. Ngoài một số trung tâm lớn người Chăm theo Islam như ở An Giang, Thành phố Hồ

Chí Minh, Tây Ninh, hầu hết cộng đồng này khá nhỏ bé ở các tỉnh thành khác với số lượng tín đồ không nhiều. Với tính chất tôn giáo chặt chẽ, quá trình phát triển cộng đồng này liên quan đến sự phát triển nhờ tăng dân số tự nhiên và một số cuộc cải giáo qua hôn nhân. Cũng có một số người Kinh theo Islam giáo nhưng có thể nói đó là những trường hợp quy mô nhỏ bé và đặc thù./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Phương Anh, Hoàng Văn Chung (2023), “Tình hình tôn giáo, tín ngưỡng trong cộng đồng người Chăm ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2. Tr 26 - 47.
2. Agnès De Féo (2009), “Les musulmans de Châu Đốc (Vietnam) à l'épreuve du salafisme”, *Moussons*, No.13-14. URL: [http:// journals.openedition.org/moussons/976](http://journals.openedition.org/moussons/976)
3. Báo cáo tình hình Islam giáo của Ban Dân vận Tỉnh ủy An Giang (2020), Tham luận hội thảo “Cộng đồng Islam ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng, xu hướng biến đổi và gợi ý chính sách”, Viện Nghiên cứu Tôn giáo tổ chức tại An Giang.
4. Ban Tôn giáo tỉnh Đồng Nai (2020), *Báo cáo tình hình hoạt động Hội giáo-Islam trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*.
5. *Báo cáo của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Dương năm 2020*, Tài liệu thu thập của Đề tài Cộng đồng Islam giáo ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng, xu hướng biến đổi và gợi ý chính sách.
6. *Báo cáo của Công an tỉnh Bình Dương (2020)*, Tài liệu thu thập của đề tài Cộng đồng Islam giáo ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng, xu hướng biến đổi và gợi ý chính sách.
7. Nguyễn Bình (2012), *Đạo Hồi - Tri thức cơ bản*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
8. Đồng Thành Danh (2016), “Bàn thêm về sự du nhập Islam giáo ở Champa”. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3.
9. Đồng Thành Danh (2018), “Cấu trúc nhị nguyên của tín ngưỡng, tôn giáo người Chăm nam Trung Bộ”. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*. Số 2.
10. Dohamide (1965), *Hồi giáo tại Việt Nam*, Bách Khoa, Sài Gòn, số 193-194.
11. Phú Văn Hãn (2004), “Islam giáo và các nghi lễ, tập quán của người Chăm ở Nam Bộ”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6.
12. Phú Văn Hãn: *Đời sống văn hóa-xã hội của người Chăm ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*. Nguồn [http:// bandantoc. Hochiminhcity.gov.vn /documents](http://bandantoc.hochiminhcity.gov.vn/documents), (bản lưu), truy cập ngày 23/08/2023.
13. Hội Nghiên cứu Đông Dương (1902), *Địa lý học: Tự nhiên, kinh tế và lịch sử Nam Kỳ tập VI Chuyên khảo về tỉnh Châu Đốc* (Nguyễn Nghị và Nguyễn Thanh Long dịch, 2017), Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

14. Khảo sát của tác giả và đoàn công tác Viện Nghiên cứu Tôn giáo tại Tân Bửu, Long An, tại Kiên Giang, năm 2020.
15. Nguyễn Văn Luận (1974), Người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam Phần Việt Nam, Tủ sách biên khảo Bộ Văn hóa giáo dục thanh niên, Sài Gòn.
16. M. Ner (1941), Les Musulmans de l'Indochine française. In: *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*. Tome 41, pp. 151-202.
17. Lý Du Sô (2017), Hồi giáo và hoạt động Ban Đại diện cộng đồng Hồi giáo Thành phố Hồ Chí Minh. Nguồn [http://islamhochiminh.com /news/hoi-giao-va-hoat-dong-ban-dai-dien-cong-dong-hoi-giao-tphcm. html](http://islamhochiminh.com/news/hoi-giao-va-hoat-dong-ban-dai-dien-cong-dong-hoi-giao-tphcm.html)
18. Sở Nội vụ tỉnh Tiền Giang (2013), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Thông báo 119-TB/TW của Ban bí thư về công tác Hồi giáo*.
19. Thánh đường Hồi giáo Nurul Ehsaan (2020), *Báo cáo tình hình cộng đồng Hồi giáo 4 ấp xã Xuân Hưng*.
20. Chu Văn Tuấn (2020), “Thực trạng cộng đồng Chăm Islam ở Tây Ninh và Bình Phước hiện nay”, *Tạp chí Công tác tôn giáo*, số 1+2.
21. Trần Tư (1980), “Tìm hiểu về đạo Hồi”, *Tạp chí Khoa học Công an*, số 2.

Abstract

HISTORY OF INTRODUCTION AND DEVELOPMENT OF ISLAM IN THE CHAM COMMUNITY IN THE SOUTHERN REGION

Ngô Quốc Đông

Institute for Religious Studies, VASS

This article is divided into two main contents. The first part will focus on the process of introducing Islam to the Southern region. Based on the historical sources, the paper indicates features of the introduction of Islam to the Cham community in the relationship to trade and immigration among neighboring countries and regions such as Cambodia, Malaysia, and Indonesia. The historical sources also show that the Cham Muslim community formed quite early and was homogeneous in terms of religion. The second part will show an overview of the development process and distribution density of Cham Muslims in this area. Thereby, it also provides a general picture of the current status of believers, dignitaries, and mosques of Islam in different periods. This community had many changes along the process of expansion since its introduction before becoming a stable religion like it is today.

Keywords: Islam; History of introduction; develop; the Cham; Southern.